

Ngày 14 tháng 02 năm 2005, Bộ Ngoại giao Cộng hòa Lit-va khẳng định Hiệp định nêu trên chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2005.

Bộ Ngoại giao xin chân trọng thông báo./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO

Thứ trưởng

Vũ Dũng

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

QUYẾT ĐỊNH số 11/2005/QĐ-BNN ngày **07/3/2005** của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy định trách nhiệm và hình thức xử lý vi phạm về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và chất lượng công trình xây dựng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật Xây dựng số 11/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28 tháng 4 năm 2000 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm và hình thức xử lý vi phạm về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và chất lượng công trình xây dựng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

00386078

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Cục Thủy lợi, Cục Quản lý đê điều và PCLB và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Cao Đức Phát

QUY ĐỊNH trách nhiệm và hình thức xử lý vi phạm về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và chất lượng công trình xây dựng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý

(ban hành kèm theo Quyết định số 11/2005/QĐ-BNN ngày 07 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định trách nhiệm và hình thức xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và chất lượng công trình xây dựng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý (sau đây gọi chung là dự án xây dựng).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối với các Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân là đơn vị tư vấn (lập dự án, thiết kế, khảo sát, thẩm định, giám sát, thí nghiệm, kiểm định chất lượng, quản lý dự án); nhà thầu xây dựng và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý và hoạt động xây dựng khi thực hiện các dự án xây dựng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Điều 3. Thủ tục, trình tự xử lý vi phạm

1. Thủ tục, trình tự xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và chất lượng công trình xây dựng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Ngoài việc bị xử lý theo Quy định này, các tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 2 còn phải chịu trách nhiệm và hình thức xử lý khác đối với các vi phạm theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

**TRÁCH NHIỆM VỀ QUẢN LÝ DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
VÀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG**

Điều 4. Trách nhiệm về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

Thực hiện theo Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Điều 5. Trách nhiệm về quản lý chất lượng công trình xây dựng

Thực hiện theo Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ

Các Cục quản lý chuyên ngành thuộc Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chức năng được phân công, chủ trì hoặc phối hợp với Thanh tra Bộ và các Sở chuyên ngành của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

1. Kiểm tra, thanh tra thường xuyên trong từng giai đoạn thực hiện dự án (đối với các dự án do Bộ quản lý), kịp thời đề ra các biện pháp phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm. Mỗi lần kiểm tra phải

có báo cáo bằng văn bản cho cấp có thẩm quyền.

2. Phối hợp với hội đồng nghiệm thu nhà nước tiến hành giám định, phúc tra hoặc thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực, có pháp nhân giám định, phúc tra chất lượng các dự án nhóm A, các dự án trọng điểm và các dự án khác, trong trường hợp có nghi vấn về chất lượng công trình thì tổ chức kiểm định, thí nghiệm độc lập.

Chương III

**CÁC HÀNH VI VI PHẠM VÀ
HÌNH THỨC XỬ LÝ**

**Mục 1. TRONG QUÁ TRÌNH LẬP VÀ
THẨM ĐỊNH DỰ ÁN, THIẾT KẾ KỸ
THUẬT - TỔNG DỰ TOÁN**

Điều 7. Hành vi vi phạm

1. Vi phạm trong quá trình khảo sát:

a) Triển khai công tác khảo sát khi nhiệm vụ khảo sát chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trừ trường hợp có văn bản cho phép của cấp có thẩm quyền);

b) Kết quả hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất, địa chất thủy văn, thủy văn không phản ánh đúng thực tế và chất lượng không đạt yêu cầu;

c) Không tuân thủ các quy trình, quy phạm về khảo sát và thí nghiệm hoặc không theo đúng đề cương được duyệt.

d) Không đảm bảo đúng thời hạn giao nộp hồ sơ hoàn chỉnh theo quy định.

2. Vi phạm trong công tác lập dự án và lập thiết kế:

a) Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án được xác định không phù hợp với quy hoạch vùng, lãnh thổ và chiến lược phát triển ngành đã được phê duyệt;

b) Quy mô, tiêu chuẩn thiết kế các hạng mục kết cấu công trình không phù hợp với quyết định đầu tư dự án, quy chuẩn xây dựng và tiêu chuẩn kỹ thuật nhà nước, tiêu chuẩn ngành và các quy định, tiêu chuẩn riêng áp dụng cho dự án;

c) Điều tra, cập nhật số liệu liên quan còn thiếu, sai sót dẫn đến việc lựa chọn các phương án ở bước lập dự án hoặc thiết kế không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quy hoạch, môi trường, sinh thái, mỹ quan khu vực, khối lượng và làm thay đổi mục tiêu, tổng mức đầu tư, tổng dự toán của dự án;

d) Không đảm bảo đúng thời hạn giao nộp hồ sơ hoàn chỉnh theo quy định.

3. Vi phạm trong công tác nghiệm thu hồ sơ lập dự án, thiết kế:

a) Thiếu chủng loại, khối lượng hồ sơ theo quy định;

b) Nội dung hồ sơ không được kiểm định trước khi trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định;

c) Nghiệm thu không đúng khối lượng thực tế công việc đã thực hiện trong giai đoạn khảo sát lập dự án và khảo sát thiết kế.

4. Vi phạm trong công tác thẩm định dự án và thẩm định thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán:

a) Kéo dài thời gian thẩm định mà không có lý do xác đáng sau khi đã tiếp nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

b) Không phát hiện được những tồn tại, sai sót chủ yếu của hồ sơ lập dự án và hồ sơ thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán khi thẩm định theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

c) Thẩm định, duyệt dự án hoặc thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán sai với các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Các hành vi vi phạm cụ thể:

a) Bước lập dự án:

- Số liệu điều tra thủy văn, địa chất, địa hình sai lệch dẫn đến phải thay đổi phương án thiết kế cơ bản $\geq 30\%$ khối lượng;

- Xác định danh mục công việc, khối lượng, kinh phí về xây lắp chính và đền bù giải phóng mặt bằng không chính xác dẫn đến điều chỉnh, bổ sung làm tăng tổng mức đầu tư dự án tại thời điểm lập dự án $\geq 15\%$;

b) Bước thiết kế kỹ thuật:

- Sai về cao độ tự nhiên dẫn đến tăng > 15% hoặc tăng $\geq 5.000 \text{ m}^3$ khối lượng đào đắp, nạo vét;

- Phải chỉnh bình diện > 15% so với tổng chiều dài;

- Phải chỉnh lý vị trí công trình hoặc chiều cao đập, công trình thoát nước và các công trình khác $\geq 30\%$ khối lượng của toàn thể dự án;

- Sai về địa chất tại những vị trí được đề cương duyệt dẫn đến phải:

+ Thay đổi kết cấu móng, loại hình gia cố;

+ Thay đổi $\geq 30\%$ khối lượng cọc, móng;

- Sai về điều tra, tính toán thủy văn dẫn đến phải:

+ Tăng thêm chiều dài đập $\geq 10\%$;

+ Thay đổi cơ bản loại hình gia cố;

+ Tăng thêm 10% khối lượng đối với công trình hạng mục chính, đầu mối, kè chỉnh trị;

c) Những vi phạm nhỏ hơn quy định nêu tại các điểm a và b của Khoản này nhưng gây hậu quả nghiêm trọng.

Điều 8. Hình thức xử lý

1. Đối với đơn vị tư vấn lập dự án và thiết kế:

a) Không được xét giao dự án, công trình có quy mô tương tự hoặc lớn hơn,

trong một thời hạn nhất định theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Phải làm lại các công việc vi phạm hoặc phải bồi hoàn kinh phí để xử lý các vi phạm đó. Ngoài ra, còn bị phạt thêm 10% giá trị công việc phải làm lại thông qua chiết khấu thanh toán;

c) Chủ đầu tư giữ lại 20% giá trị dự toán khảo sát lập dự án hoặc khảo sát lập thiết kế của dự án hoặc hạng mục công trình để phục vụ xử lý vi phạm (không tính kinh phí bồi hoàn để xử lý vi phạm và tiền phạt 10% giá trị công việc phải làm lại). Khi dự án thi công xong và được nghiệm thu sẽ được thanh toán số còn lại;

2. Đối với đơn vị tư vấn thẩm định:

Không được giao dự án, công trình có quy mô tương tự hoặc lớn hơn, ít nhất 01 năm, kể từ ngày có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền.

3. Đối với Chủ đầu tư:

a) Tập thể: không được xét giao quản lý đối với các dự án, công trình có quy mô tương tự hoặc lớn hơn trong thời hạn nhất định theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Cá nhân (người trực tiếp giám sát, nghiệm thu và lãnh đạo trực tiếp phụ trách): căn cứ vào trách nhiệm, nhiệm vụ được phân công, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo một trong những hình thức khiển

trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, hạ ngạch, cách chức hoặc buộc thôi việc.

Mục 2. TRONG QUÁ TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 9. Hành vi vi phạm

1. Nhà thầu kê khai năng lực, kinh nghiệm không đúng sự thật.
2. Nhà thầu trúng thầu bán thầu, hoặc vây thầu, hoặc thông thầu.
3. Chủ đầu tư khi phát hiện được các bằng chứng cụ thể vi phạm nêu tại khoản 1, 2 của Điều này mà che dấu hoặc thông đồng với nhà thầu.

Điều 10. Hình thức xử lý

1. Đối với nhà thầu:

a) Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 của Quy chế này bị loại khỏi danh sách tham gia dự thầu hoặc bị loại ngay trong bước đánh giá sơ bộ và không được xem xét tiếp các bước tiếp theo, không được phép tham gia bất kỳ gói thầu nào trong thời gian 06 tháng đến 01 năm, kể từ ngày có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền;

b) Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 của Quy chế này lần thứ hai không được phép tham gia bất kỳ gói thầu nào trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm, kể từ

ngày có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền;

c) Vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 9 của Quy chế này thì bị thu hồi kết quả trúng thầu và không được tham gia các gói thầu trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền.

2. Đối với Chủ đầu tư:

Vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 9 của Quy định này thì bị xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy định này.

Mục 3. TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG VÀ KẾT THÚC DỰ ÁN

Điều 11. Hành vi vi phạm

1. Công trình thi công sai so với các quy trình, quy phạm hiện hành, với thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và điều khoản của hợp đồng đã ký kết. Sử dụng thiết bị, máy thi công không đủ, không đúng hoặc kém hơn về số lượng, chủng loại, tính năng, công suất, trình độ cán bộ, kỹ sư thấp hơn về chức danh nhân sự kê khai trong hồ sơ dự thầu.

2. Thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình quá trình thi công của nhà thầu, chứng chỉ vật tư, vật liệu đưa vào công trình thiếu tính trung thực.

3. Vi phạm về đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

4. Công tác nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình của tư vấn giám sát không chính xác, thủ tục nghiệm thu, bàn giao công trình của Chủ đầu tư thiếu hoặc không đúng quy trình. Việc lập hồ sơ hoàn công không đúng với thực tế thi công hoặc không đủ nội dung theo quy định.

5. Không đảm bảo tiến độ thi công theo Tổng tiến độ, tiến độ cụ thể trong hồ sơ dự thầu đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

Điều 12. Hình thức xử lý

1. Đối với nhà thầu:

a) Phải bồi thường thiệt hại theo luật định và bị đình chỉ thi công, cắt hợp đồng. Nếu mức độ vi phạm nghiêm trọng hoặc tái phạm thì không được phép tham gia dự thầu các gói thầu khác trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm kể từ thời điểm bị cắt hợp đồng;

b) Vi phạm chất lượng theo quy định, hoặc tiến độ gói thầu chậm > 03 tháng không do nguyên nhân khách quan thì bị cắt hợp đồng và không được tham gia dự thầu các gói thầu tiếp theo;

c) Vi phạm chất lượng 02 gói thầu thì 01 năm không được tham dự thầu các gói thầu tiếp theo;

d) Vi phạm chất lượng từ 03 gói thầu

trở lên thì 02 năm không được tham dự thầu các gói thầu tiếp theo.

2. Đối với tư vấn giám sát:

Không được thanh toán chi phí giám sát tương ứng với khối lượng công trình bị vi phạm, chịu mức xử lý chiết khấu kinh tế, bị phạt thêm 100% chi phí này khi công trình sai phạm ở mức xử lý phải phá đi làm lại.

3. Đối với đơn vị kiểm định, thí nghiệm, kiểm định phúc tra:

Nếu vi phạm nghiêm trọng, tái diễn, gây hậu quả nghiêm trọng thì không được tham gia các dự án tiếp theo ít nhất 01 năm.

4. Đối với Chủ đầu tư:

a) Tập thể: bị khiển trách hoặc cảnh cáo, nếu vi phạm nghiêm trọng, tái diễn, gây hậu quả nghiêm trọng thì không được tham gia các dự án tiếp theo.

b) Cá nhân:

- Người phụ trách trực tiếp bị khiển trách hoặc cảnh cáo;

- Cán bộ theo dõi trực tiếp bị khiển trách hoặc cảnh cáo hoặc hạ bậc lương hoặc chuyển công tác khác.

Mục 4. ĐỐI VỚI CÁC CỤC CHUYÊN NGÀNH THUỘC BỘ

Điều 13. Hành vi vi phạm

1. Vi phạm các quy định tại Điều 6
2. Vi phạm trong công tác thẩm định dự án và thẩm định thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán trong phạm vi được giao, cụ thể:
 - a) Kéo dài thời gian thẩm định mà không có lý do xác đáng, sau khi đã tiếp nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định;
 - b) Không phát hiện được những tồn tại, sai sót chủ yếu của hồ sơ lập dự án và hồ sơ thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán khi thẩm định theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - c) Thẩm định, duyệt dự án hoặc thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán sai với các quy định của pháp luật hiện hành;
 - d) Không đảm bảo đúng thời gian thẩm định theo quy định.

Điều 14. Hình thức xử lý

1. Cục trưởng, Phó Cục trưởng hoặc tương đương: khiển trách hoặc cảnh cáo;
2. Trưởng phòng, Phó trưởng phòng hoặc Trưởng ban, Phó ban: khiển trách hoặc cảnh cáo hoặc cách chức;
3. Chuyên viên theo dõi trực tiếp: khiển trách hoặc cảnh cáo, hoặc hạ bậc lương hoặc chuyển công tác khác.

Mục 5. THẨM QUYỀN XỬ LÝ

VI PHẠM

Điều 15. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- a) Xử lý kỷ luật tập thể, cá nhân theo thẩm quyền quy định của pháp luật;
- b) Từ chối hợp đồng, thu hồi bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
- c) Quyết định ngừng hợp đồng;
- d) Quyết định phá dỡ;
- đ) Phạt chiết khấu kinh tế;
- e) Từ chối cho tham gia dự thầu.

Điều 16. Cục Quản lý quản lý xây dựng công trình và các Cục có chức năng quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành thuộc Bộ

- a) Xử lý kỷ luật tập thể, cá nhân theo thẩm quyền quy định của pháp luật;
- b) Kiến nghị thu hồi chứng chỉ tư vấn giám sát;
- c) Từ chối giao nhiệm vụ tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn thẩm định, tư vấn kiểm định, tư vấn kiểm định thí nghiệm;
- d) Đình chỉ thi công dự án;
- đ) Từ chối cho tham gia làm thầu phụ.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm phổ biến

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc các Ban quản lý dự án, Giám đốc các tổ chức tư vấn, Chủ tịch Hội đồng quản trị các Tổng công ty thuộc Bộ và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm phổ biến Quy định này tới tất cả các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động để biết và triển khai thực hiện.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 có trách nhiệm chấp hành Quy định này. Những hành vi vi phạm ở mức độ nghiêm trọng, tùy theo tính chất vi phạm thì bị điều chỉnh theo các quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan kịp thời báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Cao Đức Phát

QUYẾT ĐỊNH số 13/2005/QĐ-BNN
ngày 15/3/2005 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Phát triển
nông thôn về việc ban hành
Danh mục giống cây lâm
nghiệp chính.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/3/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Danh mục giống cây lâm nghiệp chính”, bao gồm giống của các loài:

1. Bạch đàn: urophylla, tereticornis, camaldulensis, brassiana, bạch đàn lai.
2. Keo: keo lai, keo lồi liềm, keo tai tượng, keo lá tràm.
3. Thông: thông caribaea, thông nhựa, thông 3 lá, thông mã vĩ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và